

Số: /UBND-NCKS

Quảng Nam, ngày tháng năm 2023

V/v tăng cường triển khai nhiệm vụ
cải cách thủ tục hành chính phục vụ
người dân, doanh nghiệp

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 7781/KH-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp. Để triển khai tốt công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp, Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Hồ Quang Bửu có ý kiến như sau:

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm UBND các xã, phường, thị trấn)

a) Rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý để thực hiện so sánh, đối chiếu giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương về thời gian giải quyết, ủy quyền và công khai minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính, cụ thể:

- Về số lượng, tên gọi thủ tục hành chính: các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh rà soát, lập danh sách thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của đơn vị theo từng cấp: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (mẫu tại Phụ lục I).

- Về thời gian giải quyết thủ tục hành chính: đối chiếu thời gian giải quyết thủ tục hành chính do Bộ, ngành quy định với thời gian tỉnh công bố tại các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh để rà soát, thống kê: lập danh sách thủ tục hành chính đã cắt giảm thời gian, tỉ lệ thời gian cắt giảm; số lượng thủ tục hành chính, tỉ lệ % đã cắt giảm so với tổng số thủ tục hành chính đơn vị thực hiện; tổng thời gian đã cắt giảm được so với Bộ, ngành quy định (mẫu tại Phụ lục II).

- Về ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính: rà soát, lập danh sách các thủ tục hành chính đã ủy quyền đến thời điểm hiện tại (cấp tỉnh ủy quyền cho sở, cấp huyện; sở ủy quyền cho cấp phòng; cấp huyện ủy quyền cho cấp phòng thuộc huyện và UBND cấp xã,) để rà soát, thống kê: tổng số thủ tục hành chính đã ủy quyền; tỉ lệ % thủ tục hành chính đã ủy quyền của đơn vị so với tổng số thủ tục

hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết bao gồm cả thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (*mẫu tại Phụ lục III*).

b) Đề xuất cấp có thẩm quyền để cắt giảm, bãi bỏ thủ tục hành chính trái với quy định pháp luật hiện hành, không thực sự cần thiết hoặc chưa từng phát sinh hồ sơ trên địa bàn tỉnh (*mẫu tại Phụ lục IV*).

Thời gian báo cáo UBND tỉnh: cấp sở hoàn thành trước ngày 15/6/2023; cấp huyện hoàn thành trước ngày 22/6/2023.

2. Công khai minh bạch thủ tục hành chính, chuẩn hóa thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện cập nhật đầy đủ Quyết định và danh sách thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, chuẩn hóa các bộ phận cấu thành thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

b) Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, đồng bộ đầy đủ danh mục, thông tin thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tương ứng với bộ thủ tục hành chính của tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

c) Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tổ chức rà soát đánh giá việc cập nhật, chuẩn hóa thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Thời gian hoàn thành, báo cáo UBND tỉnh: trước ngày 30/6/2023.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc liên hệ qua số điện thoại, zalo: 0982.000.177 (Đ/c Nguyễn Văn Thảo - Văn phòng UBND tỉnh) để được hướng dẫn chi tiết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VNPT Quảng Nam;
- UBND các xã, phường, thị trấn (phối hợp);
- Trung tâm QTI;
- Lưu: VT, HCTC, NCKS (Thảo).

C:\Users\Admin\OneDrive\Nam 2023\CD_DH\Tang cương cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh.docx

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Lê Ngọc Quảng

Phụ lục I
DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG:

.....
(Ban hành kèm theo Công văn số #sov/UBND-NCKS ngày tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Tổng số thủ tục hành chính là 155; trong đó cấp tỉnh: 125, cấp huyện: 25, cấp xã: 5.

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh¹: (ví dụ số lượng là 125)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QB công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	1.010696.000.00.00.H47	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	623/QĐ - UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Quảng Nam	Cấp Tỉnh	Công khai
2	2.001607.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	2244/QĐ -UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Quảng Nam	Cấp Tỉnh	Công khai
3	1.002939.000.00.00.H47	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới	2244/QĐ -UBND	Người nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Quảng Nam	Cấp Tỉnh	Công khai

¹ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện theo mẫu trích xuất từ CSDI quốc gia về thủ tục hành chính

B. Thủ tục hành chính cấp huyện²: (ví dụ số lượng là 25)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	2.001270.00 0.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2714/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Quảng Nam	Cấp Huyện	Công khai
2	2.001283.00 0.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2714/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Quảng Nam	Cấp Huyện	Công khai
3	2.001240.00 0.00.00.H47	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	1919/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Quảng Nam	Cấp Huyện	Công khai

² Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện theo mẫu trích xuất từ CSDI quốc gia về thủ tục hành chính

C. Thủ tục hành chính cấp xã³: (ví dụ số lượng là 5)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QB công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	2.000184.00 0.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2244/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; ...; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Quảng Nam	Cấp Xã	Công khai
2	2.000206.00 0.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2244/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; ...; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Quảng Nam	Cấp Xã	Công khai
...								

³ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện theo mẫu trích xuất từ CSDI quốc gia về thủ tục hành chính

Phụ lục II

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG:.....

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NCKS ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh ⁴

Thời gian thực hiện là: (ngày); số lượng: (thủ tục hành chính); tỉ lệ tính là: (%).

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện Bộ, ngành quy định	Thời gian thực hiện tỉnh quy định	Thời gian đã cắt giảm	Tỉ lệ cắt giảm thời gian	Số TTHC cắt giảm thời gian	Tổng số TTHC cấp tỉnh tiếp nhận, giải quyết	Tỉ lệ TTHC đã cắt giảm thời gian (Số TTHC đã cắt giảm/Tổng số TTHC thẩm quyền giải quyết)
I	Ví dụ: Sở Lao động Thương binh và Xã hội (thuộc thẩm quyền cấp tỉnh)								
1	1.000105.000.00.00.H47	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	10	07	03	30%			3%
2	Mã TTHC B	Báo cáo giải trình việc B	10	08	02	20%			
3	Mã TTHC C	Cấp chứng chỉ C	10	05	05	50%			
Tổng			30	20	10		03	100	

⁴ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh thực hiện

B. Thủ tục hành chính cấp huyện⁵

Thời gian thực hiện là: (ngày); số lượng: (thủ tục hành chính); tỉ lệ tính là: (%).

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện Bộ, ngành quy định	Thời gian thực hiện tỉnh quy định	Thời gian đã cắt giảm	Tỉ lệ cắt giảm thời gian	Số TTHC cắt giảm thời gian	Tổng số TTHC cấp huyện tiếp nhận, giải quyết	Tỉ lệ TTHC đã cắt giảm thời gian (Số TTHC đã cắt giảm/Tổng số TTHC cấp huyện)
I	Ví dụ lĩnh vực: Công Thương (thuộc thẩm quyền cấp huyện)								
1	1.000473.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	20	15	05	25%	02		1,58%
2	2.000599.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	20	10	10	50%			
II	Ví dụ lĩnh vực: Lao động Thương binh và Xã hội (thuộc thẩm quyền cấp huyện)								
3	Mã TTHC A	Báo cáo giải trình việc A	10	07	03	30%	03		
4	Mã TTHC B	Báo cáo giải trình việc B	10	07	03	30%			
5	Mã TTHC C	Cấp chứng chỉ C	10	08	02	20%			
Tổng			70	47	23		05	317	

⁵ UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện bao gồm các TTHC thuộc UBND các xã, phường, thị trấn

C. Thủ tục hành chính cấp xã⁶

Thời gian thực hiện là: (ngày); số lượng: (thủ tục hành chính); tỉ lệ tính là: (%).

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện Bộ, ngành quy định	Thời gian thực hiện tỉnh quy định	Thời gian đã cắt giảm	Tỉ lệ cắt giảm thời gian	Số TTHC cắt giảm thời gian	Tổng số TTHC cấp xã tiếp nhận, giải quyết	Tỉ lệ TTHC đã cắt giảm thời gian (Số TTHC đã cắt giảm/Tổng số TTHC cấp xã)
I	Ví dụ lĩnh vực: Lao động - Thương binh và Xã hội (thuộc thẩm quyền cấp xã)								
1	1.011608.H47	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15	12	03	20%			1,85%
2	2.002516.000.00.00.H47	Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	02 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 09 ngày làm việc.	01	20%			
3	Mã TTHC C	Cấp chứng chỉ C	30	20	10	33%			
Tổng			30	20	10		03	162	

⁶ UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện bao gồm các TTHC thuộc UBND các xã, phường, thị trấn

Phụ lục III

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ ỦY QUYỀN THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA

PHƯƠNG:.....

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NCKS ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh ⁷

X: là ủy quyền; 0: là không ủy quyền.

VÍ DỤ: SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI:

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thẩm quyền giải quyết (cấp tỉnh)			Ủy quyền			Thời gian cắt giảm sau khi ủy quyền	Tỉ lệ ủy quyền (Số TTHC đã ủy quyền/ Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh)
			UBND tỉnh (số ngày)	Chủ tịch UBND tỉnh (số ngày)	Sở, ban, ngành (số ngày)	Sở, ban, ngành (số ngày)	UBND cấp huyện (số ngày)	Cấp phòng thuộc Sở, ban, ngành (số ngày)		
1	1.000105.000.00.00.H47	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	X (10)	0	0	X (07)	0	0	03	03/100=3%
2	Mã TTHC B	Phê duyệt danh sách B	0	X (10)	0	0	X (07)	0	03	
3	Mã TTHC C	Phê duyệt danh sách C	0	0	X (10)	0	0	X (07)	03	
Tổng			01	01	01	01	01	01	09	

⁷ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh thực hiện

B. Thủ tục hành chính cấp huyện⁸

X: là ủy quyền; 0: là không ủy quyền.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thẩm quyền giải quyết		Ủy quyền		Thời gian cắt giảm sau khi ủy quyền	Tỉ lệ ủy quyền (Số TTHC đã ủy quyền/Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện)
			UBND cấp huyện (số ngày)	Chủ tịch UBND cấp huyện (số ngày)	Phòng, ban, cấp huyện (số ngày)	UBND cấp xã (số ngày)		
I	Ví dụ lĩnh vực: Công Thương (thuộc thẩm quyền cấp huyện)							
1	Mã TTHC A	Báo cáo giải trình việc A	X (10)	0	X (07)	0	03	03/317=0.95%
2	Mã TTHC B	Báo cáo giải trình việc B	X (10)	0	0	X (07)	03	
3	Mã TTHC C	Cấp chứng chỉ C	0	X (10)	X (07)	0	03	
Tổng			01	01	01	01	09	

⁸ UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện bao gồm các TTHC thuộc UBND các xã, phường, thị trấn

Phụ lục IV
DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỀ XUẤT CẤP CÓ THẨM QUYỀN CẮT GIẢM, BÃI BỎ
ĐƠN VỊ:

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NCKS ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh⁹

X: chọn; 0: không chọn.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lý do			Ghi chú/giải thích
			Chưa từng phát sinh hồ sơ	Thực sự không cần thiết	Trái với quy định pháp luật hiện hành	
I	Ví dụ: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (thuộc thẩm quyền cấp tỉnh)					
1	Mã TTHC A	Tên TTHC A	X	0	0	Đã đề xuất, kiến nghị
2	Mã TTHC B	Tên TTHC B	0	X	0	chưa
3	Mã TTHC C	Tên TTHC C			X	chưa
Tổng			01	01	01	03

⁹ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh thực hiện

B. Thủ tục hành chính cấp huyện¹⁰

X: chọn; 0: không chọn.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lý do			Ghi chú/giải thích
			Chưa từng phát sinh hồ sơ	Thực sự không cần thiết	Trái với quy định pháp luật hiện hành	
I	Ví dụ lĩnh vực: Công Thương (thuộc thẩm quyền cấp huyện)					
1	Mã TTHC A	Tên TTHC A	X	0	0	Đã đề xuất, kiến nghị
2	Mã TTHC B	Tên TTHC B	0	X	0	chưa
3	Mã TTHC C	Tên TTHC C			X	chưa
Tổng			01	01	01	03

¹⁰ UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện

C. Thủ tục hành chính cấp xã¹¹

X: chọn; 0: không chọn.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lý do			Ghi chú/giải thích
			Chưa từng phát sinh hồ sơ	Thực sự không cần thiết	Trái với quy định pháp luật hiện hành	
I	Ví dụ lĩnh vực: Lao động - Thương binh và Xã hội (thuộc thẩm quyền cấp xã)					
1	Mã TTHC A	Tên TTHC A	X	0	0	Đã đề xuất, kiến nghị
2	Mã TTHC B	Tên TTHC B	0	X	0	chưa
3	Mã TTHC C	Tên TTHC C			X	chưa
Tổng			01	01	01	03

¹¹ UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp từ UBND các xã, phường, thị trấn